TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và ông Dương Văn Sinh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 283/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22/10/2025 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976

Số định danh cá nhân: 030176018010

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã T, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan

Người được chị Lan ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng là: Chị Lê Thị Kiều N, sinh năm 1996 và chị Đặng Thị Thu S, sinh năm 1997; đều có địa chỉ: Số 201 T, phường Y, thành phố Hà Nội

(Giấy ủy quyền lập ngày 19/9/2025)

- Bị đơn: Anh Đoàn Bá Đ, sinh năm 1977

Số định danh cá nhân: 030077027043

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Hải Phòng

Chị L, anh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa. (Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển 01 ngày 24/11/1997. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong đời sống hôn nhân. Năm 2017, chị xuất cảnh sang Đài Loan, Trung Quốc theo diện xuất khẩu lao động. Sau khi chị đi nước ngoài, chồng chị có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác tại nhà ở của vợ chồng, chị có lưu giữ hình ảnh, bằng chứng về việc này. Hành vi trên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị, đồng thời cho thấy anh Đ không còn tôn trọng mối quan hệ hôn nhân. Chị và anh Đ đã ly thân nhiều năm. Chị cũng đã trao đổi với anh Đ về vấn đề ly hôn, anh Đ cũng đồng ý ly hôn nhưng không hợp tác để hoàn tất thủ tục. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết cho chị ly hôn với anh Đoàn Bá Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Đoàn Bá T, sinh ngày 10/01/1998 và Đoàn Thị N, sinh ngày 01/10/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án

Về án phí, lệ phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác.

Hiện tại, chị đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, nên chị xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc ở Tòa án báo gồm các phiên làm việc, phiên họp hoà giải và phiên tòa xét xử vụ án ly hôn.

Bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua con trai của anh Đồng là Đoàn Bá T và niêm yết theo quy định của pháp luật.

- *Anh Đoàn Bá T và chị Đoàn Thị N trình bày:* Anh chị là con đẻ của bố Đoàn Bá Đ và mẹ là Nguyễn Thị L. Việc mẹ anh chị xin ly hôn với bố anh chị thì hai anh chị cũng biết và đã khuyên ngăn nhiều lần, nhưng mẹ anh chị vẫn cương quyết ly

hôn, còn bố anh chị không đồng ý. Bố mẹ anh chị đã mâu thuẫn nhiều năm nay, thường xuyên cãi vã nhau, còn nguyên nhân do đâu thì anh chị không lắm được. Bố anh chị làm ở lồng cá, sáng đi, tối về, không biết chữ nên rất ngại va chạm với pháp luật.

Các văn bản do Toà án giao cho bố anh thì anh T nhận hộ và đã giao, đọc lại cho bố anh biết các nội dung trong các văn bản. Quan điểm của bố anh là không muốn ly hôn nhưng mẹ anh kiên quyết ly hôn thì bố anh cũng đồng ý ly hôn nhưng do ông không biết chữ nên không muốn va chạm với pháp luật, không muốn lên Tòa và nhận các giấy tờ của tòa án. Tòa án giao các văn bản gì thì anh sẽ là người nhận hộ và đọc lại cho bố anh nghe nội dung.

Mẹ anh chị là Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 là đúng, việc mẹ anh chị có năm sinh ở giấy khai sinh của anh chị và khác năm sinh trong căn cước công dân có thể do ngày xưa khi đi khai sinh cho anh chị thì bố mẹ anh chị không để ý nên bị sai.

- *Xác minh với Trưởng thôn L, xã T, thành phố Hải Phòng* cung cấp: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Bá Đ kết hôn và sinh được 02 người con là Đoàn Bá T, sinh năm 1998 và Đoàn Thị N, sinh năm 2000. Hiện nay 2 cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Hiện nay chị L đang đi lao động ở nước ngoài. Anh Đ ở nhà tại địa phương. Việc anh chị có mâu thuẫn với nhau hay không thì địa phương không lắm được vì chị L đi nước ngoài.

- *Xác minh tại UBND xã T cung cấp:* Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1976 thể hiện trong căn cước công dân và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 trong giấy khai sinh của con Đoàn Bá T và Đoàn Thị N thì không xác nhận hai người đó là một người. Tuy nhiên qua tra cứu trên hệ thống Quốc gia về dân cư thể hiện anh Tâm và chị N là con đẻ của chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Bá Đ là khớp tên bố mẹ trong giấy khai sinh mà tòa án cung cấp.

Tại phiên toà:

Các đương sự đều vắng mặt. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lan.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đoàn Bá Đ.

2. Về quan hệ con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là Đoàn Bá T, sinh năm 1998 và Đoàn Thị N, sinh năm 2000, hiện cả hai đều đã thành niên, nên Tòa không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ có địa chỉ tại thôn L, xã T, thành phố Hải Phòng, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Hải Phòng.

[1.2]. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 24/11/1997, là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị L và hai con của chị L đều xác định: Chị L và anh Đ chung sống với nhau thường xuyên xảy ra cãi nhau, các con anh chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ngoài ra, chị L có trình bày trong thời gian chị đi lao động ở nước ngoài anh Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh Đ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Đ đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng thông qua con trai, niêm yết văn

bản tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú. Con trai xác định đã thông báo lại toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ, và thông qua con trai thì anh Đ có quan điểm đồng ý ly hôn, nhưng do anh Đ không biết chữ, không muốn va chạm với pháp luật, không muốn lên Tòa và nhận các giấy tờ của tòa án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân trong thời gian dài. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L ly hôn anh Đ.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là Đoàn Bá T, sinh năm 1998 và Đoàn Thị N, sinh năm 2000, hiện cả hai đều đã thành niên, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là phù với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đoàn Bá Đ.

2. Về quan hệ con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là Đoàn Bá T, sinh năm 1998 và Đoàn Thị N, sinh năm 2000, hiện cả hai đều đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên Tòa không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004719 ngày 22/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9-Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã T (Lưu hộ tịch);
- Lưu HS; VP;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Luyến